TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 17/3/2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Ê Ban và ông Phan Xuân Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk:* Ông Trần Quốc Anh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/11/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị V , sinh năm: 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã HS, KB, Đăk Lăk

- Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã HS, KB, Đăk Lăk

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản làm việc, chị Phạm Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, KB, Đắk Lắk vào ngày 19/8/2009.

Nhưng do anh Nguyễn Văn N thường xuyên bài bạc, rượu chè không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, không chia sẻ trách nhiệm gia đình với tôi. Vợ chồng không hoà hợp nên từ tháng 5/2019 đến nay, chúng tôi không chung sống cùng nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện KB, Đăk Lăk giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn N có 01 người con chung là Nguyễn Văn S , sinh ngày 08/01/2010.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn S vì từ nhỏ cháu đã ở với tôi. Anh Nguyễn Văn N không có trách nhiệm gì với con.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Tôi không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về phía anh Nguyễn Văn N: Chị Phạm thị V đã cung cấp số điện thoại của anh Nguyễn Văn N cho Toà án, chúng tôi đã liên lạc qua điện thoại với anh Nguyễn Văn N và thông báo về việc chị Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh và thông báo thời gian làm việc nhưng anh Nguyễn Văn N không đến Toà án để làm việc. Việc anh Nguyễn Văn N không đến Toà án để làm việc là tự từ bỏ quyền được tham gia tố tụng tại Toà án của mình.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2022, cháu Nguyễn Văn S trình bày: Khi cha

mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì từ nhỏ cháu ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 07/02/2022, thôn trưởng thôn TS, HS, KB, Đắk Lắk cho biết: Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn TS, HS, KB, Đắk Lắk. Trước đây vợ chồng chị V – anh N làm ăn, chung sống tại địa phương nhưng từ khoảng tháng 5/2019 đến nay thì không chung sống cùng nhau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm.

Về nội dung: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, KB, Đắk Lắk. Do vậy, hôn nhân giữa chị V và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng mâu thuẫn với nhau và đã không chung sống cùng nhau từ năm 2019 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị V đối với anh Nguyễn Văn N.

Đối với con chung: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N có một người con chung là Nguyễn Văn S , sinh ngày 08/01/2010. Chị Phạm Thị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con . Cháu Nguyễn Văn S có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn vì từ nhỏ cháu ở với mẹ và được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi của người con chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Văn S cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị Phạm Thị V không yê cầu Toà án giải quyết . Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng chấp nhận .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với anh Nguyễn Văn N. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thôn TS, HS, KB, Đăk Lăk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HS, KB, Đăk Lăk . Do vậy, hôn nhân giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2019 đến nay, chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, cần chấp

nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị V với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N có 01 người con chung là Nguyễn Văn S , sinh ngày 08/01/2010.

Khi ly hôn, chị Phạm Thị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn S vì từ nhỏ cháu đã ở với chị . Mặt khác, nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn S là muốn được ở với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi của người con chưa thành niên và nguyện vọng của các đương sự, cần giao con chung là Nguyễn Văn S cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng .

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy không đặt ra để giải quyết .

Về án phí: Chị Phạm Thị V tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 214, ngày 19/8/2009 do Ủy ban nhân dân xã HS, KB, tỉnh Đắk Lắk cấp cho chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn N hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/01/2010 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị V tự nguyện chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị Phạm Thị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004938 ngày 08/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Huế

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND H. Krông Bông;*
- *Chi cục THADS;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hoà Sơn;*
- *Lưu HS, VP.*